

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 116/2025/DS-PT

Ngày: 27/8/2025

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi QSD đất*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam; ông Đỗ Thế Bình.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2025/TLPT-DS, ngày 01/6/2026 về việc “*Tranh chấp kiện đòi quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DSST ngày 05/05/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Bắc Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958; có mặt.

Ông L ủy quyền cho anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1984; có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1977; vắng mặt

Các đương sự đều trú tại địa chỉ: Thôn Đồng T, xã Đông T, huyện Yên Phong (nay là thôn Đồng Thôn, xã Yên Phong), tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Yên Phong), tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

2. Bà Cao Thị O, sinh năm 1960; chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1982. Cùng trú tại: Thôn Mẫn X, xã Long C, huyện Yên Phong (nay là thôn Mẫn Xá, xã Yên Phong), tỉnh Bắc Ninh; bà O vắng mặt, chị L1 có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1984; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1999. Cùng trú tại: Thôn Đồng T, xã Đông T, huyện Yên Phong (nay là thôn Đồng T, xã Yên Phong), tỉnh Bắc Ninh; đều có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1981; anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 2002; anh Nghiêm Đình H1, sinh năm 1997; anh Nguyễn Đức Q1, sinh năm 2004. Cùng trú tại: Thôn Đồng T, xã Đông T, huyện Yên Phong (nay là thôn Đồng T, xã Yên Phong), tỉnh Bắc Ninh; đều vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn S (sinh năm 1940, mất năm 2008) và cụ Nguyễn Thị T (sinh năm 1940, mất năm 2021). Bố mẹ ông sinh được tất cả 07 người con trong đó có ông và ông Nguyễn Văn K.

Vợ ông là bà Cao Thị O, vợ chồng ông có 03 con chung là Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn H.

Gia đình ông có thửa đất số 59, tờ bản đồ số 20, diện tích 252m² tại thôn Đồng T, xã Đông T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ ông cho ông, thửa đất này trước đây thuộc thửa đất có diện tích 517m² tại thôn Đồng Thôn, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2000, bố mẹ ông đã chia thửa đất thành 02 phần cho ông và ông K nên ngày 28/12/2000, UBND huyện Yên Phong đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông được quyền sử dụng thửa đất số 59, tờ bản đồ số 20, diện tích 252m² và ông Nguyễn Văn K được quyền sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, có diện tích 265m². Hiện nay ông đã bị mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông và ông K không ai có ý kiến và không tranh chấp gì. Trên thửa đất số 59, có nhà cấp 4 của các cụ để lại và ông có xây 01 xưởng làm đồ gỗ.

Đến năm 2011, UBND xã Đông Tiến đến cưỡng chế, phá dỡ cổng, tường rào và móng nhà ông mà không có văn bản nào thông báo cho ông biết lý do vì sao nên ông có làm đơn đề nghị UBND xã Đông Tiến để hỏi về lý do gia đình ông lại bị cưỡng chế, phá dỡ các công trình. UBND xã Đông Tiến trả lời ông bằng Kết luận số 02/KL-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 là do gia đình ông có hành vi xây dựng tường chặn lối đi chung, bịt lối đi giữa gia đình ông và gia đình ông K nên xảy ra tranh chấp lối đi chung. Vì vậy UBND xã Đông Tiến phải áp dụng biện pháp ngăn chặn hành vi xây tường chặn lối đi đối với gia đình ông là thực hiện theo quyết định, buộc trả lại lối đi hiện trạng ban đầu. Thực tế ông K có làm đơn yêu cầu UBND xã Đông Tiến phá dỡ trên phần đất của gia đình ông hay không thì ông không biết. Từ năm 2017, phần diện tích 28,8m² đất trong thửa đất số 59 mang tên ông đã bị ông K đổ bê tông lên làm đường, để làm lối đi đường ngõ. Ông khẳng định phần diện tích 28,8m² đất này nằm trong diện

tích đất của gia đình ông.

Nay ông yêu cầu ông K phải trả lại cho ông phần đất có diện tích 28,8m² thuộc thửa đất số 59 của ông và có tứ cận: phía Đông giáp đất nhà ông K dài 1,874m; phía Tây giáp đường đi dài 14,95m; phía Nam giáp gia đình ông Long, anh Dương dài 15m; phía Bắc thuộc thửa đất của gia đình ông. Trên phần đất này trước đây có móng nhà nhưng UBND xã đã phá dỡ.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Thửa đất của ông quá trình làm hồ sơ cấp đất có ghi cạnh phía Nam giáp nhà ông Long và anh Dương chứ không phải giáp ngõ đi. Theo Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận được cấp năm 2000 là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 20, diện tích 252m². Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2003 thì thửa đất có diện tích 261m²

Bị đơn là ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông xác nhận nguồn gốc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, có diện tích 260m² tại thôn Đồng Thôn, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong được UBND huyện Yên Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/12/2000 mang tên hộ ông Nguyễn Văn K đúng là của bố ông chia cho ông. Nguồn gốc thửa đất trước đây thuộc thửa đất có diện tích 517m² như ông L trình bày là đúng. Sau khi hai anh em ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai có ý kiến hoặc tranh chấp gì.

Khoảng năm 2011, ông L đổ cát, đổ gạch lên lối đi nhà ông, đây là lối đi duy nhất chiều rộng khoảng 2m, chiều dài khoảng 14,4m, tổng diện tích khoảng 28.8m² làm gia đình ông khó khăn trong sinh hoạt thời gian dài nên ông đã có làm đơn trình báo lên UBND xã Đông Tiến yêu cầu ông L trả lại hiện trạng lối đi cho gia đình ông. UBND xã Đông Tiến đã tiến hành giải quyết và cưỡng chế ông L để dọn dẹp sạch cát, sỏi, gạch mà ông L đổ lên lối đi nhà ông.

Đến khoảng năm 2017, ông L xây dựng móng và tường bịt kín phần lối đi này nên ông lại tiếp tục làm đơn đề nghị UBND xã Đông Tiến yêu cầu ông L phá dỡ phần móng nhà và tường nêu trên. UBND xã Đông Tiến đã cưỡng chế, phá dỡ công trình xây trái phép mà ông L xây dựng, sau đó ông đã đổ bê tông cố định lên lối đi từ năm 2017 đến nay.

Nay ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông L và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Cao Thị O, chị Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L đồng ý với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn Q, anh Nghiêm Đình H1, anh Nguyễn Đức Q1 ủy quyền cho ông Nguyễn Văn K đồng ý với lời trình bày và ý kiến của ông K.

- Đại diện UBND xã Đông Tiến, huyện Yên Phong trình bày: Thửa đất số 59, diện tích 252m² tại thôn Đồng Thôn được UBND huyện Yên Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn L. Thửa đất số 69, diện tích 260m² tại thôn Đồng Thôn được UBND huyện Yên Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn K. Nguồn gốc hai thửa đất trên là của ông Nguyễn Văn S (bố đẻ của ông L và ông K). Do sơ suất nên tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn L có ghi cạnh phía Nam của thửa đất giáp nhà ông Trương Văn Long, anh Trương Văn Dương mà không ghi là giáp ngõ đi. Ông L đã xây tường chắn lối đi vào nhà ông K. UBND xã Đông Tiến đã cưỡng chế vào năm 2011 và năm 2017 để trả lại lối đi cho ông K. Hiện nay gia đình ông K vẫn đi qua lối đi này mà không có lối đi nào khác.

Căn cứ hồ sơ kỹ thuật đo đạc chính quy năm 2003, thửa đất số 59, diện tích 261m² tại thôn Đồng Thôn, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Việc ông L khởi kiện yêu cầu ông K phải trả phần lối đi có chiều rộng khoảng 2m, chiều dài khoảng 14,4 m là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang tranh chấp theo yêu cầu của đương sự.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, hiện trạng sử dụng của các thửa đất đang tranh chấp như sau:

1. Thửa đất số 59, diện tích 252m² tại thôn Đồng Thôn, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Nguyễn Văn L. Qua đo đạc thực tế thửa đất có diện tích 263,1 m² và có tứ cận: Phía Đông giáp với nhà ông Nguyễn Văn K; phía Tây giáp ngõ; phía Nam giáp nhà ông Trương Ngọc Long; phía Bắc giáp nhà ông Xuất. Trên đất còn có các công trình xây dựng khác và có sơ đồ hiện trạng kèm theo.

2. Thửa đất số 69, diện tích 260 m² thôn Đồng Thôn, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Nguyễn Văn K. Qua đo đạc thực tế thửa đất có diện tích 251,1m² và có tứ cận: Phía Tây giáp nhà ông L; phía Đông giáp nhà ông Nghiên; phía Bắc giáp nhà ông Xuất; phía nam giáp nhà ông Dương và ngõ. (Trên đất còn có các công trình xây dựng khác và có sơ đồ hiện trạng kèm theo)

Tại Biên bản định giá của Hội đồng định giá kết luận: Đơn giá thửa đất số 59, diện tích 252 m², tại thôn Đồng Thôn, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm định giá là 10.000.000 đồng/01m².

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 166, 175, 254 Bộ luật dân sự; Điều 166, 170, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 236, 252 Luật đất đai năm 2023; Điều 147, 157, 158, 165, 166, 248, 260, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

ông Nguyễn Văn L về việc kiện đòi ông Nguyễn Văn K phải trả phần đất có diện tích 28,8m² nằm trong thửa đất số 59, tờ bản đồ số 20, diện tích 252m² tại thôn Đồng Thôn, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên ông L phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử: Ngày 19/5/2025, ông Nguyễn Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh hủy toàn bộ bản án, giao cho Tòa án nhân dân huyện Yên Phong xét xử lại theo trình tự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn K (đồng thời cũng là đại diện theo ủy quyền của bà V, anh Q, anh H1, anh Q1) được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông K theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo:

+ Chưa có căn cứ để xác định diện tích đất ngõ là của ông K, diện tích đất ngõ mà ông K đang sử dụng là đất của gia đình ông cho đi nhờ.

+ Việc nhận định đánh giá chứng cứ mang tính chủ quan, phiên diện, việc nhận định ông K không có lỗi đi nào khác là sai hoàn toàn, xung quanh đất của ông K đều tiếp giáp ngõ chứ không phải lỗi đi duy nhất.

+ Thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để suy luận đất đó là của ông K.

Đại diện theo ủy quyền của ông L là anh Nguyễn Văn G còn trình bày căn cứ vào ranh giới thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không căn cứ vào diện tích được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông L.

Ngoài ra ông L trình bày: Ông xác nhận phần đất có diện tích 28,8m² mà ông đang kiện đòi ông K trong vụ án này chính là phần đất lỗi đi có diện tích 29,7m² theo Sơ đồ hiện trạng mà Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định ngày 01/4/2025. Ngoài ra 02 lần UBND xã đến cưỡng chế gia đình ông đều không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, Hội đồng xét nhận thấy:

Năm 2000, cụ Nguyễn Văn S làm thủ tục giao quyền đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai con trai là ông Nguyễn Văn L được sử dụng phần đất có diện tích 252 m², ông Nguyễn Văn K được sử dụng phần đất có diện tích 260 m² tại thôn Đồng Thôn, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 28/12/2000, UBND huyện Yên Phong đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu cho ông L, ông K, cụ thể: Hộ ông L được quyền sử dụng thửa đất số 59, tờ bản đồ số 20, diện tích 252m²; hộ ông K được quyền sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, diện tích 260 m².

- Theo Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích đo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2000 lưu giữ tại UBND xã Đông Tiến thể hiện về diện tích, chiều dài các cạnh của hai thửa đất như sau:

+Thửa số 59 của ông L: phía Đông giáp nhà ông K dài 16,90m; phía Tây giáp đường làng dài 17,15m; phía Bắc giáp ngõ dài 15,20m; phía Nam giáp nhà ông Long và anh Dương dài 15,50m.

+Thửa số 69 của ông K: phía Đông giáp nhà ông Trương Văn Nghiên dài 18,65m; phía Tây giáp nhà ông L dài 18,90m; phía Bắc giáp nhà ông Xuất dài 14,70m; phía Nam giáp nhà anh Dương và ngõ dài 13m.

- Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 2003 và bản đồ đo đạc chính quy năm 2003 thì diện tích 02 thửa đất mà hộ ông L và hộ ông K đang sử dụng đều tăng so với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông L, ông K được cấp, cụ thể: thửa đất 59 của ông L đang sử dụng có diện tích 261m² (tăng 09 m²); thửa số thửa đất 69 của ông K đang sử dụng có diện tích 265m² (tăng 05m²).

- Theo Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng do UBND xã Đông Tiến lập ngày 08/8/2003 (có chữ ký của cụ S) thể hiện các chủ sử dụng đất tiếp giáp thửa đất số 59, tờ bản đồ số 20 gồm: ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn Xuất, ông Nguyễn Văn S và đường đi.

- Theo Bản đồ địa chính năm 2003, thể hiện thửa đất số 59 và thửa đất số 69 có ngõ đi.

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/4/2025 thể hiện:

+ Thửa đất số 59 của ông L có diện tích 264,1m² và có tứ cận: Phía Đông giáp với nhà ông Nguyễn Văn K; phía Tây giáp ngõ; phía Nam giáp nhà ông Trương Ngọc Long; phía Bắc giáp nhà ông Xuất.

+ Thửa đất số 69 của hộ ông K có diện tích 251,1m² và có tứ cận: Phía Tây giáp nhà ông L; phía Đông giáp nhà ông Nghiên; phía Bắc giáp nhà ông Xuất; phía nam giáp nhà ông Dương và ngõ.

+ Hiện trạng thửa đất số 69 hiện nay chỉ có duy nhất 01 lối đi là ngõ bê tông có diện tích thực tế là 29,7 m² và có kích thước các cạnh tương ứng là 1,89 m; 11,99m; 2,25m; 0,74 m; 3,07 m; 3,39 m; 0,22m; 11,22 m; ngoài ra không còn lối đi nào khác.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại địa phương và được cung cấp: Gia đình ông K đã sinh sống trên thửa đất số 69 từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉ có một lối đi 01 bên giáp nhà ông L, 01 bên giáp nhà ông Long, anh Dương. Tuy nhiên do có sơ xuất về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L có ghi phần giáp ranh với hộ ông Long và anh Dương mà không phải giáp ngõ đi nên ông L đã xây tường chắn lối đi của ông K là sai, địa phương đã 02 lần cưỡng chế, tháo dỡ vi phạm xây dựng của ông L vào năm 2011 và năm 2017 để trả lại lối đi cho ông K.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên thì phần đất có diện tích 28,8m² (theo kết quả đo đạc hiện trạng là phần lối đi vào thửa đất số 69 của ông K) mà ông L khởi kiện không thuộc quyền sử dụng của ông L. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên. Ông L kháng cáo và có đưa ra căn cứ kháng cáo nhưng những căn cứ này không có cơ sở nên cần bác toàn bộ kháng cáo của ông L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của ông L không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do ông L là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông L.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc ông L phải chịu 12 triệu đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận ông L đã nộp 15 triệu đồng, hoàn trả ông L 03 triệu đồng. Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 15/5/2025 Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã trả lại ông L số tiền này nên cần xác nhận trong bản án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 166, 175, 254 Bộ luật dân sự; Điều 166; 170; 202; 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 236, 252 Luật đất đai năm 2023; Điều 147; 157, 158, 165; 166; 248; 260; 264; 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc đòi ông Nguyễn Văn K phải trả lại phần đất có diện tích 28,8m² nằm trong thửa đất số 59, tờ bản đồ số 20, diện tích 252m² tại thôn Đồng Thôn, xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

2. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Xác nhận ngày 15/5/2025 Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã trả lại ông Nguyễn Văn L số tiền 03 triệu đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

3. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn L.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DSST ngày 05/05/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7), tỉnh Bắc Ninh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND khu vực 7, tỉnh BN;
- VKSND khu vực 7, tỉnh BN;
- THADS khu vực 7, tỉnh BN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Minh Thu